

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5919/GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### **BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 4356/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1014/QĐ-UBND ngày 21/5/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nâng công suất kho chứa LPG tại Đình Vũ, Hải Phòng tại Khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An do Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần làm chủ đầu tư.

Xét Văn bản số 2062/KVN-ATMT ngày 08/11/2024 của Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần về đề nghị cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo; Văn bản số 2427/KVN-ATMT ngày 30/12/2024 của Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường kèm theo hồ sơ đã hoàn thiện của cơ sở "Kho LPG Hải Phòng - Tổng Công ty khí Việt Nam - CTCP" tại Lô đất CN5.3C, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần, địa chỉ Tòa nhà PV Gas Tower, số 673, đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Bè, thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Kho LPG Hải Phòng - Tổng Công ty khí Việt Nam - CTCP” với các nội dung như sau:

### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Kho LPG Hải Phòng - Tổng Công ty khí Việt Nam - CTCP”

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô đất 5.3C, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đình Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 02221000050 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 25/08/2011, chứng nhận điều chỉnh lần đầu ngày 15/04/2013.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 3500102710 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 13/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 12/12/2023.

1.4. Mã số thuế: 3500102710.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 10.920 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

+ Tổng sức chứa LPG: 9.000 m<sup>3</sup>.

+ Sản lượng cho năm sản xuất ổn định: 200.000 tấn LPG/năm.

### 2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2020.

2. Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Công khai Giấy phép môi trường, thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.5. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải về Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng để được kiểm tra, giám sát và thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

2.6. Thực hiện đầy đủ các thủ tục về xây dựng, phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố theo đúng quy định.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 11 tháng 12 năm 2020 đến hết ngày 10 tháng 12 năm 2030).

**Điều 4.** Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- UBND TP (để b/c);
- TB; các PTB;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Các UBND: phường Đông Hải 2, quận Hải An;
- Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần;
- Công ty Cổ phần KCN Đình Vũ;
- Các Phòng: TNMT, QHXD, QLĐT, DN&GSĐT, VPĐD;
- Công TTĐT BQLKKT (để đăng tải);
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Bùi Ngọc Hải**

### Phụ lục 1

## NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 5919/GPMT-BQL ngày 31 tháng 11 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau khi xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ, không xả trực tiếp ra môi trường).

- Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần đã ký Hợp đồng tiện ích nước số WUA.002/2020/DCB-MKG ngày 01/03/2020 với Công ty TNHH DEEP C Blue về việc cung cấp nước sạch và xử lý nước thải của Cơ sở (Công ty TNHH DEEP C Blue được Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ ủy quyền chịu trách nhiệm và quản lý cấp nước và tiếp nhận, xử lý nước thải của các nhà đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp Đình Vũ, toàn bộ nước thải của cơ sở được thu gom, xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ).

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt bao gồm nước thải từ khu nhà vệ sinh và nước thải từ khu nhà bếp. Trong đó, nước thải từ khu nhà vệ sinh theo đường ống nhựa uPVC D110 thu gom vào bể tự hoại dung tích 5 m<sup>3</sup>; nước thải từ khu nhà bếp theo đường ống nhựa uPVC D90 thu gom vào bể tách dầu mỡ dung tích 1,4 m<sup>3</sup>. Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại và bể tách dầu mỡ tiếp tục được qua 01 bể gom dung tích 2,1 m<sup>3</sup> bằng đường ống nhựa uPVC D90 để tiếp tục lắng cặn. Nước thải sau lắng cặn tại ngăn thứ 2 của bể gom được bơm cưỡng bức nước thải bằng bơm chìm qua ống nhựa HDPE D60 vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp Đình Vũ và dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ để xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Nước làm mát bề mặt ngoài của bồn chứa LPG (từ hệ thống phun nước tự động để giảm áp và giảm nhiệt độ bồn chứa khi nhiệt độ môi trường cao) được thu gom và thoát vào hệ thống thu gom nước mưa B300 của cơ sở trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước mặt của Khu công nghiệp Đình Vũ.

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh sau xử lý tại bể tự hoại + nước thải sinh hoạt từ khu nhà bếp sau xử lý tại bể tách dầu mỡ → Bể gom → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

+ Nước làm mát bồn LPG → Rãnh thu nước mưa B300 → Hệ thống thu gom, và thoát nước mưa của Khu công nghiệp Đình Vũ.

- Công suất thiết kế:

+ 01 bể tự hoại có dung tích 5 m<sup>3</sup>;

+ 01 bể tách dầu mỡ nhà bếp có dung tích 1,4 m<sup>3</sup>;

+ 01 bể gom có dung tích 2,1 m<sup>3</sup>.

### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của để đảm bảo công trình xử lý nước thải luôn hoạt động hiệu quả.

- Định kỳ vệ sinh các đường ống thu thoát nước mưa, nước thải; nạo hút bùn cặn tại các hố ga, bể tự hoại, bể tách nước nhiễm dầu; vớt văng dầu mỡ tại bể tách dầu mỡ nhà bếp, bể thu gom.

- Trang bị các phương tiện, máy móc, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của công trình xử lý nước thải.

- Khi công trình xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa tạm thời trong các bể xử lý để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố.

- Khi việc kiểm tra, khắc phục sự cố của công trình xử lý nước thải bị kéo dài và các bể xử lý không còn khả năng lưu chứa nước thải thì phải thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải phát sinh.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** không quá 6 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường.

### **2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:**

+ 01 bể tự hoại có dung tích 5 m<sup>3</sup>;

+ 01 bể tách dầu mỡ nhà bếp có dung tích 1,4 m<sup>3</sup>.

+ 01 bể gom có dung tích 2,1 m<sup>3</sup>.

### **2.3. Vị trí lấy mẫu:**

| TT | Vị trí quan trắc                                                        | Thông số quan trắc                                                |
|----|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| 1  | Tại bể gom nước thải cuối cùng của cơ sở trước khi đầu nối với hệ thống | pH, TSS, BOD <sub>5</sub> , Amoni, dầu mỡ động thực vật, Coliform |

| TT | Vị trí quan trắc                                       | Thông số quan trắc |
|----|--------------------------------------------------------|--------------------|
|    | thu gom và xử lý nước thải của Khu công nghiệp Đình Vũ |                    |

**2.4. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:**

| TT | Chất ô nhiễm                                                      | Gia trị giới hạn cho phép                                          |
|----|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 5  | pH, TSS, BOD <sub>5</sub> , Amoni, dầu mỡ động thực vật, Coliform | Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của Khu công nghiệp Đình Vũ |

**2.5. Tần suất lấy mẫu:**

Đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Đình Vũ, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

## Phụ lục 2

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số. 5919/GPMT-BQL ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý, không có công trình thu gom, xử lý khí thải).

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

##### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không có (do không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý, không có công trình thu gom, xử lý khí thải).

##### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không phải vận hành thử nghiệm sau khi được cấp Giấy phép môi trường do không có công trình xử lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

##### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thường xuyên vệ sinh công nghiệp, định kỳ bảo dưỡng các máy móc, thiết bị sản xuất, chỉ sử dụng các phương tiện giao thông được kiểm định theo quy định.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động, ưu tiên sử dụng các loại nguyên liệu, nhiên liệu thân thiện với môi trường và sức khỏe người lao động.

- Trồng cây xanh xung quanh và trong khuôn viên dự án, đảm bảo diện tích trồng cây xanh theo quy định.

## Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 591/GPMT-BQL ngày 11 tháng 12 năm 2024  
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Máy nén khí (trạm bơm PCCC).
- Nguồn số 03: Trạm bơm LPG.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tọa độ: X(m) = 2303002; Y(m) = 608369.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X(m) = 2303074; Y(m) = 608352.
- Nguồn số 03: Tọa độ: X(m) = 2303065; Y(m) = 608318.

*(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)*

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

| TT                                                          | Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA) |                     | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú              |
|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------|----------------------|
|                                                             | Từ 6 giờ đến 21 giờ                                   | Từ 21 giờ đến 6 giờ |                            |                      |
| 1                                                           | 70                                                    | 55                  | -                          | Khu vực thông thường |
| QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn |                                                       |                     |                            |                      |

**3.2. Độ rung:**

| TT                                                         | Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB) |                     | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú              |
|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------|----------------------|
|                                                            | Từ 6 giờ đến 21 giờ                                            | Từ 21 giờ đến 6 giờ |                            |                      |
| 1                                                          | 70                                                             | 60                  | -                          | Khu vực thông thường |
| QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung |                                                                |                     |                            |                      |

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Kiểm tra thường xuyên độ cân bằng của máy móc, thiết bị (khi lắp đặt và định kỳ trong quá trình hoạt động); kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ bảo dưỡng.
- Trang bị bảo hộ lao động chuyên dùng: quần áo bảo hộ, nút tai chống ồn cho người lao động làm việc ở các vị trí có mức ồn và độ rung lớn.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường và yêu cầu khác:**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.
- Tuân thủ các tiêu chuẩn về tiếng ồn, độ rung tại nơi làm việc theo quy định hiện hành.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 59/MG/GPMT-BQL ngày 11 tháng 12 năm 2024*  
*của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

| TT | Tên chất thải                                                                      | Trạng thái tồn tại | Mã chất thải | Khối lượng (kg/năm) |
|----|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------|---------------------|
| 1  | Cặn sơn, sơn và véc ni có dung môi hữu cơ                                          | Rắn                | 08 01 01     | 50                  |
| 2  | Hộp mực in thải có chứa hoặc nhiễm các thành phần nguy hại                         | Rắn                | 08 02 04     | 3                   |
| 3  | Phế liệu kim loại bị nhiễm các thành phần nguy hại                                 | Rắn                | 11 04 01     | 330                 |
| 4  | Bóng đèn huỳnh quang thải                                                          | Rắn                | 16 01 06     | 15                  |
| 5  | Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải                                      | Lỏng               | 17 02 03     | 232                 |
| 6  | Bao bì mềm thải nhiễm thành phần nguy hại                                          | Rắn                | 18 01 01     | 430                 |
| 7  | Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm thành phần nguy hại                           | Rắn                | 18 01 02     | 200                 |
| 8  | Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại                               | Rắn                | 18 01 03     | 10                  |
| 9  | Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm các thành phần nguy hại | Rắn                | 18 02 01     | 970                 |
| 10 | Pin, ắc quy chì thải                                                               | Rắn                | 19 06 01     | 124                 |
| 11 | Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại                         | Rắn                | 07 04 01     | 0,2                 |

| TT          | Tên chất thải | Trạng thái tồn tại | Mã chất thải | Khối lượng (kg/năm) |
|-------------|---------------|--------------------|--------------|---------------------|
| <b>Tổng</b> |               |                    |              | <b>2.364,2</b>      |

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:** Khoảng 9 kg/ngày (tương đương khoảng 234 kg/tháng).

**1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:** bao gồm:

- Chất thải rắn thông thường bùn cặn từ bể tự hoại: Khoảng 1.200 kg/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho chứa: Bố trí 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại bằng container 10 feet có diện tích 6,6 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có cửa ra vào, khép kín, nền chống thấm, có rãnh và hồ thu để phòng ngừa sự cố rò rỉ chất thải dạng lỏng ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn, mã chất thải nguy hại, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Thiết bị lưu chứa: Bùn cặn từ bể tự hoại định kỳ được đơn vị có chức năng hút trực tiếp để đem đi xử lý, không lưu chứa bên ngoài.

Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa rác chuyên dụng dung tích 60 lít có nắp đậy tại mỗi khu vực phát sinh. Tại khu vực tập kết bố trí 04 thùng rác dung tích 240 lít có nắp đậy.

- Khu vực tập kết: Khu vực diện tích 8 m<sup>2</sup> phía Tây của cơ sở (gần nhà Văn phòng), nền bê tông, có mái che, gắn biển cảnh báo.

- Phân loại rác thải sinh hoạt theo Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng: Chất thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 03 loại: Rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; rác thải sinh hoạt khác. Sau khi phân loại, chất thải sinh hoạt được lưu chứa trong các bao bì/thùng chứa riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết từng loại chất thải. Thực hiện các quy định hiện hành khác về phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt.

Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số.599/GPMT-BQL ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; chịu trách nhiệm đối với chất thải được chuyển giao.
2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các công trình xây dựng của dự án.



